

Bản án số: 107/2019/HS-PT

Ngày 14 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Đồng Chung và ông Phạm Văn Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mã Thị Kỳ là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tô Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 107/2019/TLPT-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2019/QĐXXPT-HS ngày 15 tháng 10 năm 2019, đối với bị cáo: Trần Văn D và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 16-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn D, sinh năm 1982 tại tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con ông Trần Văn C và bà Vũ Thị T; có vợ là Vũ Thị N và 01 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 15-12-2017 đến ngày 05-02-2018, tại ngoại - Có mặt.

2. Trương Văn H, sinh năm 1982 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con Trương Văn T và Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị Diễm T và 02 con; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 15-12-2017 đến ngày 05-02-2018, tại ngoại - Có mặt.

3. Trần Sỹ Minh L (tên gọi khác: B L), sinh năm 1970 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con Trần Sỹ T và bà Phạm Thị M (đã chết); có vợ thứ nhất là Huỳnh Thị Thu B (đã chết) và 01 con; có vợ thứ hai là Lê Thị Q và 02 con; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số: 03/2005/HS-ST ngày 27-12-2005 của Tòa án

nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 năm về tội “*Hủy hoại rừng*”, đã được xóa án tích; tại ngoại - Có mặt.

4. Trần Sỹ Minh T (tên gọi khác: M), sinh năm 1992 tại tỉnh Phú Yên; nơi cư trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: Không biết chữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con Trần Sỹ Minh L và bà Huỳnh Thị Thu B (đã chết); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 15-12-2017 đến ngày 05-02-2018, tại ngoại - Có mặt.

5. Nguyễn Hữu P, sinh năm 1994 tại tỉnh Phú Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; tạm trú: Bon B, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 7/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; con Nguyễn Hữu L và bà Lê Thị Q; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 15-12-2017 đến ngày 05-02-2018, tại ngoại - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2016, Trần Văn D và Trương Văn H cùng nhau tìm đất rừng để khai phá lấy đất làm rẫy tại lô 16, 20, 29 khoảnh 5 tiểu khu 1488 do Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Q quản lý (nay đã chuyển giao cho Ủy ban nhân dân huyện T quản lý) thuộc địa giới hành chính xã Q, huyện T. Khoảng tháng 01-2017, H và D thuê Trần Sỹ Minh L chặt hạ những cây thân gỗ nhỏ có đường kính dưới 10cm, cây dây leo, cây bụi. Từ ngày 22-01-2017 đến ngày 25-01-2017, L cùng Lê Thị Q (vợ L), Trần Sỹ Minh T (con riêng của L), Nguyễn Hữu P và Nguyễn Thị H (con riêng của Q) sử dụng dao phát chặt hạ những cây gỗ có đường kính nhỏ, cây dây leo và cây bụi. Ngày 26-01-2017, H và D tiếp tục thuê T số tiền 1.000.000 đồng cùng H và D mỗi người sử dụng một cưa xăng tiến hành cưa hạ những cây thân gỗ lớn. Ngày 29-01-2017, hành vi chặt hạ cây rừng của các đối tượng trên bị phát hiện và xử lý.

Bản kết luận giám định ngày 18-02-2017, kết luận: Diện tích rừng bị thiệt hại: 01,68ha; trạng thái rừng tự nhiên thường xanh trung bình; loại rừng sản xuất; mức độ thiệt hại: 100%; giá trị thiệt hại về rừng là 289.593.451 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 16-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H, Trần Sỹ Minh L, Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P phạm tội “*Hủy hoại rừng*”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Các bị cáo Trần Văn D và Trương Văn H mỗi bị cáo 04 năm tù; Trần Sỹ Minh T và Trần Sỹ Minh L mỗi bị cáo 03 năm 09 tháng tù; Nguyễn Hữu P 03 năm 06 tháng tù; Lê Thị Q và Nguyễn Thị H mỗi bị cáo 03 năm tù, nhưng cho hưởng án treo.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Q và Nguyễn Thị H; trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 28-8-2019, các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H, Trần Sỹ Minh L, Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H, Trần Sỹ Minh L, Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xử phạt các bị cáo về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan và giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H và Trần Sỹ Minh L giữ nguyên hình phạt đối với các bị cáo này. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Sỹ Minh T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; Nguyễn Hữu P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 26/2019/HS-ST ngày 16-8-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã kết án các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H, Trần Sỹ Minh L, Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P về tội “*Hủy hoại rừng*” theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H, Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P mỗi bị cáo đã nộp số tiền 5.000.000 đồng bồi thường thiệt hại; bị cáo P cung cấp tài liệu có bố để tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế. Tuy nhiên, số tiền các bị cáo đã nộp để bồi thường không lớn so với nghĩa vụ các bị cáo phải bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm. Riêng bị cáo L đã từng bị kết án về tội “*Hủy hoại rừng*” nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân, mà lại tiếp tục phạm tội; bị cáo tham gia tích cực hơn cả so với các bị cáo khác trong vụ án. Mặt khác, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt các bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do

hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cũng như nhân thân của từng bị cáo. Ngoài ra, trong tình hình hiện nay tình trạng hủy hoại tại địa bàn tỉnh Đắk Nông nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung diễn ra hết sức tinh vi, phức tạp, gây ra hậu quả khôn lường về biến đổi khí hậu cũng như thiệt hại về vật chất rất lớn đối với Nhà nước... Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp:

Buộc các bị cáo Trần Văn D phải bồi thường số tiền 57.919.000 đồng, được trừ số tiền bị cáo đã bồi thường là 7.000.000 đồng (*Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT 0000603 ngày 16-8-2019 và số CT 0000621 ngày 27-8-2019, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 50.919.000 đồng.

Buộc bị cáo Trương Văn H, phải bồi thường số tiền 57.919.000 đồng, được trừ số tiền bị cáo đã bồi thường là 7.000.000 đồng (*Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT 0000640 ngày 16-8-2019 và số CT 0000622 ngày 27-8-2019, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 50.919.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Sỹ Minh T phải bồi thường số tiền 57.919.000 đồng, được trừ số tiền bị cáo đã bồi thường là 5.400.000 đồng (*Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 16-8-2019 và số CT 0000618 ngày 27-8-2019, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 52.519.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Sỹ Minh L phải bồi thường số tiền 28.959.000 đồng, được trừ số tiền các bị cáo đã bồi thường là 2.000.000 đồng (*Theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT 0000444 ngày 24-5-2019, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 26.959.000 đồng.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu P phải bồi thường số tiền 28.959.000 đồng, được trừ số tiền bị cáo đã bồi thường là 5.400.000 đồng (*Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 16-8-2019 và số CT 0000620 ngày 27-8-2019, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), bị cáo còn phải bồi thường số tiền 23.559.000 đồng.

Truy thu của số tiền 17.000.000đ (*Mười bảy triệu đồng*) của bị cáo Trần Sỹ Minh L và 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) của bị cáo Trần Sỹ Minh T do các bị cáo phạm tội mà có.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm và sửa phần án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H, Trần Sỹ Minh L, Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P.

1.1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; các điểm b, s khoản 1 (khoản 2 đối với bị cáo Nguyễn Hữu P) Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Trần Văn D và Trương Văn H mỗi bị cáo 04 (Bốn) năm tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-12-2017 đến ngày 05-02-2018.

1.2. Xử phạt Trần Sỹ Minh L 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

1.3. Xử phạt Trần Sỹ Minh T 03 (Ba) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-12-2017 đến ngày 05-02-2018.

1.4. Xử phạt Nguyễn Hữu P 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Hủy hoại rừng*”, tính từ ngày bắt đi thi hành án và được trừ thời gian bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15-12-2017 đến ngày 05-02-2018.

2. Về trách nhiệm dân sự và biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

2.1. Buộc Trần Văn D phải bồi thường số tiền 57.919.000đ (*Năm mươi bảy triệu chín trăm mười chín nghìn đồng*), được trừ số tiền 7.000.000đ (*Bảy triệu bảy triệu đồng*) đã nộp (*Theo các Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT 0000603 ngày 16-8-2019 và số CT 0000621 ngày 27-8-2019 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), còn phải bồi thường 50.919.000đ (*Năm mươi triệu chín trăm mười chín nghìn đồng*).

2.2. Buộc Trương Văn H phải bồi thường 57.919.000đ (*Năm mươi bảy triệu chín trăm mười chín nghìn đồng*), được trừ 7.000.000đ (*Bảy triệu đồng*) đã nộp (*Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT 0000640 ngày 16-8-2019 và số CT 0000622 ngày 27-8-2019, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), còn phải bồi thường 50.919.000đ (*Năm mươi triệu chín trăm mười chín nghìn đồng*).

2.3. Buộc Trần Sỹ Minh T phải bồi thường 57.919.000đ (*Năm mươi bảy triệu chín trăm mười chín nghìn đồng*), được trừ 5.400.000đ (*Năm triệu bốn trăm nghìn đồng*) đã nộp (*Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 16-8-2019 và số CT 0000618 ngày 27-8-2019 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T*), còn phải bồi 52.519.000đ (*Năm mươi hai triệu năm trăm mười chín nghìn đồng*). Truy thu đối với Trần Sỹ Minh T 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) do phạm tội mà có.

2.4. Buộc Trần Sỹ Minh L phải bồi thường số tiền 28.959.000đ (*Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi chín triệu đồng*), được trừ 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) đã nộp (*Theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số CT 0000444 ngày*

24-5-2019 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T), còn phải bồi thường 26.959.000đ (Hai mươi sáu triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng). Truy thu đối với Trần Sỹ Minh L 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng) do phạm tội mà có.

2.5. Buộc Nguyễn Hữu P phải bồi thường số tiền 28.959.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi chín nghìn đồng), được trừ 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) đã nộp (Theo các giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 16-8-2019 và số CT 0000620 ngày 27-8-2019 vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T), còn phải bồi thường 23.559.000đ (Hai mươi ba triệu năm trăm năm mươi chín nghìn đồng).

2.6. Toàn bộ số tiền các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường trên và số tiền bị truy thu sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

3.1. Buộc các bị cáo Trần Văn D, Trương Văn H, Trần Sỹ Minh L, Trần Sỹ Minh T và Nguyễn Hữu P mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

3.2. Buộc các bị cáo phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể: Trần Văn D và Trương Văn H mỗi bị cáo 2.545.950đ (Hai triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm năm mươi đồng), Trần Sỹ Minh T 2.625.950đ (Hai triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn, chín trăm năm mươi đồng), Trần Sỹ Minh L 1.347.950đ (Một triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng) và Nguyễn Hữu P 1.177.950đ (Một triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn chín trăm năm mươi đồng).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GDKTI);
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng Hồ sơ Công an tỉnh Đ;
- CQTHAHS Công an tỉnh Đ;
- TAND huyện Tuy Đức;
- VKSND huyện Tuy Đức;
- Chi cục THADS huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện Tuy Đức;
- CQTHAHS Công an huyện T;
- Các bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lương Đức Dương